

THAM TỤNG HỒ SĨ DƯƠNG VỚI NHỮNG ĐÓNG GÓP NỔI BẬT TRONG LỊCH SỬ ĐẠI VIỆT THẾ KỈ XVII

Nguyễn Thị Thu Hương

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt. Dưới thời Lê - Trịnh, đặc biệt là giai đoạn vua Lê Hy Tông và chúa Trịnh Tạc nắm quyền, Hồ Sĩ Dương được nhắc đến là một trong những nhân vật lịch sử tiêu biểu. Với vị trí là Tham tụng (nắm quyền Tể tướng đương triều), Hồ Sĩ Dương đã để lại những dấu ấn nổi bật trên các lĩnh vực quân sự, chính trị - bang giao, văn hóa - xã hội và đặc biệt trên phương diện “cải cách quan chế”. Ông được đánh giá là một danh nhân toàn tài trong lịch sử chính trường ở Đại Việt thế kỉ XVII. Thông qua các nguồn tư liệu khác nhau từ chính sử, các văn bản điển chế và pháp luật, tư liệu văn bia (bản dịch), tư liệu dân gian thu thập được, bài viết này góp phần soi rọi và tô đậm thêm những dấu ấn, đóng góp to lớn của Hồ Sĩ Dương đối với quê hương Nghệ An nói riêng và lịch sử Đại Việt nói chung.

Từ khóa: Hồ Sĩ Dương, Đại Việt, thế kỉ XVII, Tham tụng, quan chế.

1. Mở đầu

Tham tụng Hồ Sĩ Dương là một nhân vật nổi bật trong chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, vị trí và đóng góp của ông trong lịch sử chính trị Đại Việt thế kỉ XVII chưa có nhiều khảo cứu toàn diện, chuyên sâu. Cho đến nay, những bài viết công bố về nhân vật này chủ yếu mới đề cập về sự nghiệp và đóng góp ở một vài khía cạnh cụ thể, tiêu biểu như một số tài liệu và bài viết sau:

Bài viết *Tư liệu Hán Nôm tại nhà thờ Phạm Công Trứ ở Liêu Xuyên* của tác giả Đinh Văn Minh in trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 1996 của Viện Nghiên cứu Hán Nôm (nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997) [1; 219 - 228]. Trong bài viết này, tác giả đã cung cấp thông tin một số văn bia và dịch văn bia *Đại Thừa tướng sự nghiệp bi* do Hồ Sĩ Dương vâng mệnh vua Lê soạn sau khi Phạm Công Trứ qua đời. Tuy nhiên đây cũng chỉ giới hạn là một bản dịch văn bia do Hồ Sĩ Dương soạn thảo.

Tập tài liệu về dòng họ với nhan đề *Bảng nhân, Tham tụng Duệ Quận công Hồ Sĩ Dương* do Phan Hữu Thịnh khảo cứu (nhà xuất bản Nghệ An, 2011). Tập sách chủ yếu hướng đến việc cung cấp tư liệu nên có cả những thông tin, sự kiện liên quan đến Hồ Sĩ Dương phản ánh trong chính sử, dã sử, truyền thuyết và giai thoại. Tác giả tập sách này đã viết: “Tôi không cắt bỏ những tư liệu trùng khớp nhau để khẳng định sự thống nhất và cũng không cắt bỏ những tư liệu sai trái nhau để mong được rộng đường suy xét” [2; 6]. Vì vậy, nhiều thông tin trong tập sách này vẫn cần được hiệu đính và xem xét về tính khả tín của tư liệu.

Thông qua bài viết *Nghiên cứu thân thế, sự nghiệp của Hồ Sĩ Dương qua tư liệu Hán Nôm* (in trong *Thông báo Hán Nôm học* năm 2015) [3; 61-77], tác giả Vũ Việt Bằng đã đề cập về thân thế và sự nghiệp của Hồ Sĩ Dương trên các phương diện: sự nghiệp khoa cử, làm quan và sáng tác.

Ngày nhận bài: 3/12/2020. Ngày sửa bài: 2/1/2021. Ngày nhận đăng: 15/1/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Hương. Địa chỉ e-mail: thuhuongvsh@gmail.com

Tuy nhiên, dấu ấn nổi bật trên phương diện “cải cách quan chế” của Hồ Sĩ Dương chưa được khảo cứu và làm rõ.

Năm 2018, cuốn sách *Hồ Thượng thư gia lễ* do Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên), đã được công bố (nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 2018) [4]. Nội dung của cuốn sách chủ yếu tập trung khảo cứu văn bản và biên dịch tác phẩm. Vì vậy, việc khảo cứu những đóng góp nổi bật của Hồ Sĩ Dương chưa thực sự đầy đủ, đặc biệt trên phương diện “cải cách quan chế”.

Trên cơ sở tham khảo những tư liệu và một số khảo cứu của các tác giả trước đó, bài viết này mong muốn bổ sung, phân biệt tư liệu và nghiên cứu hệ thống, toàn diện về những đóng góp của Tham tụng Hồ Sĩ Dương trên các lĩnh vực: quân sự, chính trị - bang giao, văn hóa - xã hội và đặc biệt là “cải cách quan chế”. Nội dung bài viết nhằm làm sáng tỏ hơn dấu ấn nổi bật của một vị Tể tướng toàn tài, mưu lược trong lịch sử Đại Việt thế kỉ XVII.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chặng đường nhiều thăng trầm để bước vào chính trường

Hồ Sĩ Dương (胡士陽) húy là Ngọc (玉), tự là Khả Trí (可致). Ông sinh năm Nhâm Tuất (1622) tại xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu (nay là xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Hồ Sĩ Dương sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống hiếu học, viễn tổ là Tiến sĩ Hồ Tông Thốc – người được Tổng tài Cao Xuân Dục trong *Đại Nam dư địa chí ước biên* ca ngợi: “Người giỏi văn chương như Hồ học sĩ” [5; 244], ông nội là Hồ Cảnh Xuân có tiếng về văn học, thân phụ là Hồ Hoàng (1586 – 1638) thi đỗ tam trường trong khoa thi Ất Mão, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 5 (1623). Vang danh của gia tộc đã được ghi chép trong *Nghệ An ký* của Bùi Dương Lịch, như sau: “Họ hàng ông nhiều đời hiển đạt, các đời xuất thân văn học, đỗ Hương cống và làm quan ở các châu huyện” [6; 324]. Vinh dự hơn, ngay tại xã Hoàn Hậu – nơi ông sinh ra đã có ba người đều đỗ Tiến sĩ, được phong tước Quận công, đó là Hồ Sĩ Dương, Hồ Phi Tích và Hồ Sĩ Đống. Ba Tiến sĩ họ Hồ được Cao Xuân Dục trong *Đại Nam dư địa chí ước biên* nhắc đến: “Hoàn Hậu: Ba Hồ, Quận công tước lớn” [5; 245].

Sự nghiệp khoa cử của Hồ Sĩ Dương bắt đầu vào năm 23 tuổi, khi ông thi đỗ Giải nguyên khoa thi Hương năm Ất Dậu, niên hiệu Phúc Thái thứ 3 (1645). Khoa thi năm Mậu Tý (1648) do có tang mẹ nên Hồ Sĩ Dương không được dự thi, ông qua xứ Thanh Hoa (Thanh Hóa hiện nay) làm nghề dạy học và đi thi hộ người khác rồi đỗ Giải nguyên. Sự việc thi hộ bại lộ, ông “bị tước bỏ danh vị” và phải “sung quân”. Pháp luật thời Lê Trung hưng về cơ bản vẫn dựa vào pháp luật thời Lê sơ thông qua bộ “Quốc triều hình luật”, tại điều 3 chương “Vi chế” (Làm trái pháp luật), nghiêm khắc xử phạm “người thi hộ” đối với trường hợp thi Hội, thi Hương và những “người mang tài liệu” vào trường thi, cụ thể như sau: “Những cử nhân vào thi Hội mà mượn người vào làm hộ bài thi, cùng người làm hộ đều phải biếm ba tư; thi Hương thì phải biếm hai tư, người giấu sách vở đem vào trường thi phạt 80 trượng” [7; 73]. Đến khoa thi Hương năm Tân Mão (1651), Hồ Sĩ Dương tiếp tục ứng thí và đỗ Giải nguyên nhưng khi xướng tên, do ông trước kia phạm lỗi thi hộ, bị sung quân nên lần thi này ông chỉ được xếp thứ hai.

Năm Khánh Đức thứ 4, khoa Nhâm Thìn (1652), vua Lê Thần Tông ra đầu đề thi văn sách với nội dung “hỏi về chính sự hay dở”. Khoa thi này, Hồ Sĩ Dương đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân. Với việc đỗ Đồng tiến sĩ xuất thân, Hồ Sĩ Dương được bổ nhiệm chức quan *Đô cấp sự trung*. Theo Đỗ Văn Ninh trong *Từ điển chức quan Việt Nam* thì Đô cấp sự trung là Trưởng quan của khoa, quan chế đời Hồng Đức cho hàm chánh thất phẩm; thời Lê Trung hưng, quan chế đời Bảo Thái cũng áp dụng theo quan chế đời Hồng Đức [8; 264].

Năm Ki Hợi (1659), triều đình mở khoa thi Đông các - khoa thi đặc biệt chọn người có tài về văn học bổ sung vào Đông các viện. Khoa thi Đông các, hỏi đầu niên hiệu Hồng Đức, định phép thi Đông các, đó là người dự thi phải là bảy tời trong triều từ tứ phẩm trở xuống mới được

dự thi. Dưới triều Lê – Trịnh, vua Lê Thần Tông ban chiếu rằng: *những người đỗ Tiến sĩ mà thi Hương phải đỗ Giải nguyên mới được ứng thí*. Người đỗ đầu khoa thi đó sánh ngang với đỗ Trạng nguyên. Hồ Sĩ Dương vì đã từng thi hộ, bị phạt sung quân do vậy kì thi Hương trước đó ông chỉ đỗ thứ hai, nên không được ứng tuyển. Ông làm đơn xin triều đình xét lại, triều đình chấp thuận cho ông đỗ Giải nguyên. Ông tiếp tục ứng thí, khoa thi năm này vua Lê Thần Tông cũng tự đặt ra những câu hỏi đối với những người dự thi. Khoa thi này, Hồ Sĩ Dương đỗ Đồng các Đệ nhị danh và đảm trách chức Đồng các Học sĩ (tương đương hàm Tòng ngũ phẩm). Về cấp bậc của những người đỗ khoa thi Đồng các được chia làm 3 bậc, tương ứng các chức: đỗ bậc nhất được phong chức “Đồng các Đại học sĩ”, bậc nhì gọi “Đồng các Học sĩ”, bậc ba gọi “Đồng các Hiệu thư”. Trong khoa thi này Nguyễn Đăng Cảo đỗ bậc nhất, Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Chiêm đỗ bậc nhì (tương đương Bảng nhãn), Phạm Duy Chất và Bùi Đình Viên đỗ bậc ba.

Sự nghiệp khoa cử của Hồ Sĩ Dương mặc dù trải qua nhiều gian nan, thử thách nhưng bằng tài năng, tinh thần và nghị lực kiên cường của mình, cuối cùng ông đã đạt được thành quả đáng trân trọng, đỗ bậc nhì trong kì thi Đồng các. Chính thành công bước đầu này sẽ là bước đệm quan trọng, từng bước tạo nên và đạt được những dấu ấn quan trọng trên chính trường Đại Việt thế kỉ XVII.

2.2. Những dấu ấn nổi bật trong sự nghiệp quan trường

2.2.1. Trên lĩnh vực quân sự

Hồ Sĩ Dương nhiều lần giữ chức “Đốc thị”. Đây là chức quan đặt ra từ đầu thời Lê Trung Hưng để trông coi việc biên cương *lần thứ nhất*, năm Canh Tý (1660), ông theo Trịnh Đổng giữ chức Đốc thị ở Trung Khuông quân dinh, khi đánh trận với quân chúa Nguyễn, Hồ Sĩ Dương được thăng chức “Bồi tụng”. Chức Bồi tụng thực chất là Á tướng, đứng sau Tể tướng. Trước đó thời Lý là Tả, Hữu tham tri chính sự; thời Trần đặt chức Tri mật viện sự dưới chức Tướng quốc; thời Lê sơ đặt chức Mật viện tham tri; đời Hồng Đức bỏ chức này, công việc do lục bộ phụ trách; thời Lê Trung hưng, chúa Trịnh nắm quyền mới đặt chức Bồi tụng ở phủ đường [8; 131 - 132]. *Lần thứ hai*, năm Tân Sửu (1661), khi chúa Trịnh Căn đưa quân về kinh, quân Trịnh do Đào Quang Nhiều ở lại làm Trấn thủ ở Nghệ An, Hồ Sĩ Dương giữ chức “Đốc thị” đóng quân ở đất Hà Trung. *Lần thứ ba*, năm Đinh Mùi (1667), Hồ Sĩ Dương được cử làm “Đốc thị” cùng với quân triều đình do chúa Trịnh Tạc làm Thống suất, tiết chế Trịnh Căn làm Đốc suất cùng tiên quân đến Cao Bằng chinh phạt Mạc Kính Vũ [11; 318; 12; 277; 10; 472 – 473]. Sau đó, Mạc Kính Vũ trốn sang châu Tiểu Trấn Yên nhà Thanh, (Tiểu Trấn Yên - tên châu, theo “Nhất thống chí” nhà Thanh, thì Tiểu Trấn Yên tức đồng Trấn Yên cũ. Nhà Minh chia làm châu Tiểu Trấn Yên và đặt thổ (tri) châu, cho thuộc vào phủ Tư Minh, nhà Thanh cho đổi thuộc vào phủ Trấn Yên) [11; 318 - 319].

Cũng trong năm này (1667), Hồ Sĩ Dương do đánh giặc có công nên được triều đình phong chức *Tả Thị lang* bộ Lại. *Lần thứ tư*, năm Canh Tuất (1670), Hồ Sĩ Dương giữ chức “Đốc thị” khi đi kinh lược đất Tuyên Quang tiêu diệt Ma Phúc Lan, sự việc cụ thể như sau: Vào tháng 6, triều đình sai Thiếu úy Hào quận công Lê Thì Hiến làm “Thống suất”, Hữu Thị lang bộ Lại Nhuận Duệ hầu Hồ Sĩ Dương làm “Đốc thị” đem quân đi kinh lược miền Tuyên Quang và bắt được Ma Phúc Lan [12; 284].

Ngoài ra, Hồ Sĩ Dương còn hiểu biết về binh pháp. Theo sách *Công dư tiếp kí* của Vũ Phương Đề thì nhờ thầy dạy học là Dương Tồn truyền dạy binh pháp nên có lần đi sứ sang Trung Quốc ông đã đem thao lược của mình giúp người Trung Quốc dẹp được nội loạn, còn ở nước nhà trong dịp Nam chinh ông đã từng lập chiến công. Đó đều là nhờ binh pháp của thầy Dương Tồn truyền cho [13; 597 – 598].

Với những dấu ấn bước đầu trên lĩnh vực quân sự, triều đình đã ghi nhận công lao của Hồ Sĩ Dương bằng việc phong chức *Tả Thị lang* bộ Lại - chức quan đánh dấu mốc quan trọng trên bước đường sự nghiệp của ông. Từ những dấu ấn bước đầu đạt được trên lĩnh vực quân sự đó, là bước

đem quan trọng, vững chắc giúp ông tạo thêm những dấu ấn nổi bật trên phương diện chính trị, ngoại giao.

2.2.2. Trên lĩnh vực chính trị - bang giao

Trong lĩnh vực bang giao, từ năm Nhâm Dần (1662) đến năm Ất Mão (1675), Hồ Sĩ Dương bằng tài năng của mình đã nhiều lần được triều đình tín nhiệm giao nhiệm vụ cùng với các đại thần lên quan ải đón tiếp sứ thần phương Bắc và đi sứ. Ở cương vị nào ông đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. *Lần thứ nhất*, năm Vĩnh Thọ thứ 5 (1662), đời vua Lê Thần Tông, với tài học vấn và sự mẫn tiệp của tiến sĩ họ Hồ, nên ông được vua sai cùng các quan đại thần lên cửa quan đón tiếp sứ thần nhà Thanh [12; 260]. *Lần thứ hai*, đầu niên hiệu Cảnh Trị, năm Quý Mão (1663), vua Lê Huyền Tông sai Hồ Sĩ Dương lên cửa quan tiếp nhận sắc dụ và bạc lụa của Bắc triều ban thưởng. Vì có công, nên ông được triều đình ban chức “Đông các Đại học sĩ”, thăng tước “Nhuận Duệ tử”. Đông các là chức Trưởng quan trong viện Đông các – cơ quan đặt dưới sự chỉ đạo của Vua có nhiệm vụ làm việc sửa chữa các bài chế, cáo, văn thư, thơ văn và trông coi giám sát công việc bầu cử của triều đình, chức nào chưa phù hợp, cơ quan này được phép làm làm tờ trình trình tâu lên vua [12; 263]. *Lần thứ ba*, tháng 12 năm Ất Tỵ (1665), triều đình gia thăng Binh bộ Hữu thị lang Nhuận Duệ tử Hồ Sĩ Dương tước bá (Nhuận Duệ bá) vì nhiều lần lên cửa quan đợi mệnh tiếp sứ thần và làm được việc giúp triều đình Lê – Trịnh [12; 273]. Sách *Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* (天南歷朝列縣登科備考) cho biết thêm, cũng trong năm 1665 Hồ Sĩ Dương còn được thăng chức Tả Thị lang. *Lần thứ tư*, năm Đinh Mùi (1667), Binh bộ Hữu thị lang Nhuận Duệ bá Hồ Sĩ Dương lên Cửa Quan đợi mệnh. *Lần thứ năm*, tháng 8 năm Kỷ Dậu (1669), Hồ Sĩ Dương giữ chức Hữu Thị lang bộ Lại và đến tháng 12 (tháng nhuận) năm này ông được ban tước hầu vì có công chờ đón tiếp sứ thần [12; 283].

Năm Dương Đức thứ 2 (1673), đời vua Lê Gia Tông, triều đình sai Chánh sứ Hồ Sĩ Dương cùng các quan đại thần sang Trung Hoa tuế cống nhà Thanh và nhân thể báo việc tang lễ vua Lê Huyền Tông. Đến tháng 3 năm Ất Mão (1675), sứ thần Hồ Sĩ Dương cùng các quan đại thần về nước. Trong dịp này, triều đình tiến hành xét công đi sứ, Hồ Sĩ Dương được thăng chức Công bộ Thượng thư (Thượng thư bộ Công), tước Duệ Quận công [12; 283]. Một năm sau, năm Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Trị thứ nhất (1676), Hồ Sĩ Dương được chúa Trịnh Tạc cho giữ chức *Tham tụng*. Với tài năng và đức độ của ông, trong *Hồ gia hợp tộc phả ký* cho biết Hồ Sĩ Dương được ban bốn chữ trên bức đại tự tại quê hương: “Thái Sơn Bắc Đẩu (太山北斗)” [14; 31] - ý chỉ người có đạo đức, học vấn hơn người.

Trong những lần tiếp sứ và đi sứ nhà Thanh, bằng tài năng tranh biện, ứng biến linh hoạt của mình, Hồ Sĩ Dương được vua Thanh nể phục và phong danh hiệu Lương quốc Tể tướng. Theo *Hồ gia hợp tộc phả ký*, ông còn được vua Thanh phong tước Thực Phất hầu và thường lấy tên “Phật” để gọi thay cho tên thường ngày. Sau này, mỗi lần có người sang sứ, vua Thanh thường hỏi rằng: “Hồ Sĩ Phật có khỏe không?” [14; 31]. Điều đó càng minh chứng cho tài năng và tầm ảnh hưởng lớn của ông trên lĩnh vực chính trị ngoại giao.

2.2.3. Trên phương diện cải cách quan chế

Dấu ấn, đóng góp nổi bật trên phương diện “cải cách quan chế” thể hiện thông qua những kiến nghị, đề xuất của Hồ Sĩ Dương đã góp phần quan trọng vào sự thay đổi chính sách phong thưởng của triều đình Lê - Trịnh đối với những người có công thông qua định lệ phong âm cho con cháu các công thần khai quốc, công thần Trung hưng, bách quan văn võ.

Sở dĩ có kiến nghị điều chỉnh định lệ phong âm là bởi xuất phát từ thực trạng triều đình Lê – Trịnh ban âm khá nhiều cho các công thần, đặc biệt đối tượng là công thần Trung hưng – là những quan lại (quan văn, quan võ) có công lớn trong cuộc chiến với nhà Mạc. Sử cũ cho biết: Từ thời vua Lê Kính Tông năm Thận Đức thứ nhất (1600) vì có việc Phan Văn Ngạn, Ngô Đình Nga, Bùi Văn Khuê làm phản, chống lại nhà Lê, giúp họ Mạc chiếm kinh thành Thăng Long. Vì vậy bề tôi phải xa giá vua Lê Kính Tông từ kinh đô Thăng Long vào Thanh Hóa; năm Hoàng

Định thứ 2 (1601), được sự giúp đỡ của Trịnh Tùng, nhà Lê chiếm lại Đông Đô, đuổi Mạc Kính Cung về Cao Bằng. Vua Lê Kính Tông được trở lại kinh đô Thăng Long. Theo quy định, *những bầy tôi theo hộ giá hoặc kéo quân dẹp loạn đối tượng phản nghịch đều được ban cho danh hiệu “công thần” thì con cháu đều được “phong tước” và “tập ấm”*. Chính vì vậy sẽ dẫn đến tình trạng *phong ấm bừa bãi*: “Khoảng đời Thận Đức, Hoàng Định (1600) các quan hồ giá, hoi loạn đều cho là công thần, con cháu được tập ấm cũng nhiều khi cho bừa bãi” [15; 637]. Việc phong ấm này xuất phát từ thời vua Lê Kính Tông vẫn tiếp tục thực hiện dưới thời vua Lê Thần Tông: “Kể từ đầu niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1628), các quan quân nào có đủ hai công: theo vua Lê hoi loạn và đi đánh nhà Mạc thì được phong công thần và được ban cho đời đời tập ấm khá nhiều” [16; 18]. Năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623), đời vua Lê Thần Tông tiếp tục xảy ra sự việc Trịnh Xuân (con thứ của Trịnh Tùng) nổi loạn (trước đó năm Kỷ Mùi (1619), Trịnh Xuân đã ám sát huyệt cha mình là Trịnh Tùng, bị phát hiện và bị bắt giam, tước bỏ binh quyền, chờ xét xử. Năm Canh Thân (1620), chúa Trịnh Tùng đã tha tội cho Trịnh Xuân, phục lại chức tước. Năm Tân Dậu (1621), chúa Trịnh Tùng lại sai Trịnh Xuân đi đánh Cao Bằng. Lúc đó Trịnh Xuân tiếp tục tranh công với anh là Trịnh Tráng... đến năm Quý Hợi (1623), chúa Trịnh Tùng ốm nặng, muốn truyền ngôi cho chúa Trịnh Tráng nên càng đẩy mâu thuẫn giữa Trịnh Xuân và Trịnh Tráng lên đỉnh điểm nên mới xảy ra vụ bạo loạn Trịnh Xuân), các quan quân phải xa giá vua Lê Thần Tông về Thanh Hóa, chúa Trịnh Tráng ở lại tập hợp tướng sĩ đánh phá quân của Trịnh Xuân, lấy lại Đông Đô. Vì vậy, bầy tôi theo hầu xa giá và người có công đánh dẹp cũng được dự phong công thần, được “đời đời” phong ấm.

Xuất phát từ những sự việc trên thì những người có công theo hộ giá các vua Lê (Lê Kính Tông, Lê Thần Tông) từ kinh đô Thăng Long vào Thanh Hóa và từ Thanh Hóa trở lại kinh đô Thăng Long, những người có công đánh nhà Mạc, có công đánh dẹp những đối tượng nổi loạn... được phong công thần thì con cháu đời đời được phong ấm. Từ thực trạng phong ấm khá nhiều và do sự phát triển của bộ máy quan lại dẫn đến tình trạng phong ấm bừa bãi, làm cho bộ máy quản lý nhà nước ngày càng phình ra về số lượng. Trong khi đó cuộc chiến tranh với chúa Nguyễn ở Đàng Trong tạm thời chấm dứt. Một mặt, triều đình Lê – Trịnh phải tập trung phục hồi, phát triển kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh, nên không có đủ điều kiện vật chất để ban cấp cho đối tượng trên. Hơn nữa việc phong ấm nhiều và đôi khi còn bừa bãi sẽ dẫn đến thực trạng số lượng ban thưởng tăng lên nhưng không đúng đối tượng, họ mặc nhiên được hưởng những đặc quyền trong xã hội như về tước phong, miễn mọi sai dịch..., sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu thuế khóa và bắt lực dịch của nhà nước.

Xuất phát từ thực trạng trên nên vào năm Định Ty (1677), tham tụng Hồ Sĩ Dương (Lúc này, đang giữ chức Thượng thư bộ Công bên triều đình vua Lê và làm quan Tham tụng bên phủ Chúa) cùng với các quan đại thần đã trình lên vua Lê Hy Tông và chúa Trịnh Tạc những điều lệ quy định các đối tượng cùng với các chức của họ thì những người thân con, cháu sẽ được hưởng nhằm “định rõ lại thể lệ phong ấm cho con cháu các khai quốc công thần, công thần Trung hưng, bách quan văn võ...” và những nội dung điều chỉnh đã được triều đình Lê – Trịnh phê chuẩn, cụ thể cho các đối tượng sau:

Đối với khai quốc công thần:

Hàng võ từ Tam công, Tam thiếu, Tả Đô đốc, Hữu Đô đốc, Đồng tri, Thiêm sự, đều được đời đời là công thần tôn (*cháu đời đời được làm công thần*). Hàng văn từ các chức Thượng thư, Đô ngự sử, Tả Thị lang, Hữu Thị lang, đều được đời đời là công thần tôn (*cháu đời đời được làm công thần*).

Đối với quan văn võ:

Ban võ từ các chức Tam thái, Tam thiếu, Tả Đô đốc, Hữu Đô đốc, Đồng tri, Thiêm sự, đều được quan viên từ quan viên tôn 5 đời (*con, cháu năm đời đều được làm quan*)

Các chức Đề đốc, Tham đốc, Phó đề đốc, Phó tham đốc, Thự vệ và Đô tổng tri sứ, đều được quan viên tử, quan viên tôn 4 đời (*con, cháu bốn đời đều được làm quan*).

Các chức Đề đốc, Đô hiệu điểm, Thự vệ, Tả Hữu hiệu điểm và Đô tổng binh sứ, Tổng binh Đồng tri, Thiêm sự, có tước hầu thì được quan viên tử và quan viên tôn (*con, cháu được làm quan*).

Các chức Đô chỉ huy sứ, Tuyên dụ Đại sứ, Tuyên úy sứ, Tổng binh thì được quan viên tử và cháu trưởng được quan viên tôn, viên nào được vinh phong chữ “công thần” thì các cháu mới được quan viên tôn (*con, cháu được làm quan*).

Các chức Đô chỉ huy Đồng tri, Tổng binh, Tuyên úy Đồng tri, Đô chỉ huy Thiêm sự, Đô chỉ huy sứ, Đô tri, Tuyên úy Thiêm sự, Tổng tri, Chỉ huy Thiêm sự, có quân công và được sắc mệnh đã lâu thì các con mới được quan viên tử; khi mới bỏ thì con chỉ được “nhiều nam”.

Các chức Thận huy Tướng quân, Lục sĩ Hiệu úy, Thiên hộ, Đô tri, Phó đô tri, Thống chế, Chánh đô úy, Quản lãnh, Chiêu thảo sứ, Phó lục sĩ Hiệu úy, Phó thiên hộ, Trung úy, Trung thành Lang tướng, Chánh võ úy, Phó quản lãnh, Chiêu thảo Đồng tri, Chiêu thảo Thiêm sự, Bá hộ, Chánh đề hạt, Phó trung úy, Đề hạt, Phó vũ thành, Phó lang tướng, Tả Hữu tiền hậu Lang tướng, Phòng ngự Thiêm sự, có quân công và thực thụ làm việc đều được một người con được nhiều nam.

Ban văn từ các chức Tam thái, Tam thiếu, Thượng thư, Đô ngự sử, Tả Hữu thị lang, Phó đô, Thừa chỉ, đều được quan viên tử, quan viên tôn 5 đời (*con, cháu năm đời*).

Các chức Thừa chính sứ, Đại học sĩ, Tế tửu, Thị độc, Thiêm đô, Tự khanh, Tham nghị, Phủ doãn, Học sĩ, Thị giảng, Tư nghiệp, Thị thư, Hiệu thư, đều được quan viên tử, quan viên tôn 4 đời (*con, cháu bốn đời*).

Các chức Đô khoa, Đề hình, Thị chế, Cấp sự, Hiến sứ, Hiệu lí, Hiệu thảo, Giám sát Ngự sử và Tư chính, Thông chính Thiêm sự, Tự khanh, Kinh lịch, Tư huấn cùng những người dự trúng Tiến sĩ đều được quan viên tử, quan viên tôn.

Các chức Tham nghị, Thông phán, Lang trung, Hiến phó, Thiếu doãn, Thiếu khanh, Thiêm sự, Trung thư xá nhân, Tư thiên lệnh, Lãng phó, Lãng thừa, Đoán sự, Viên ngoại lang, Thông thừa, Tri phủ, các con đều được quan viên tử, cháu trưởng được quan viên tôn. Người nào được vinh phong chữ “công thần” thì các cháu mới được quan viên tôn.

Còn các chức Đồng tri phủ, Điền thư, Chính tự, Khanh thừa, Trưởng sử, Tu soạn, Giáo thụ, Biên lục, Huyện úy, Tri huyện, Tri châu, Tư vụ, Chiêu khâm, Điền sử, Bình sự, Điền đô quan, Trị sự, Tẩy mã, Điền hàn, Thái y viện Đại sứ, Thông phán, Trị trung, Tư thiên giám Giám phó, Thừa khanh quan, Huyện thừa, Đồng tri châu, Tư thiên giám Ngũ quan chính, Học chính viện sứ, làm việc đã lâu các con mới được là quan viên tử, lúc mới bỏ thì con chỉ được một suất nhiều nam.

Các chức Cấp môn sứ, Giám bạ, Đãi chiếu, Phủ úy, Phó tự ban, Huấn đạo, Thị độc, Tư nghị, Giảng dụ, Vệ úy, Chủ bạ, Đô sự, Khổng mục, Tri sự, Y phó, Biện nghiệm, Tế sinh Đường sứ, Lương y chính, Lương y phó, Tề huấn, Thông sự sứ, Phó sứ, Tư thần lang, Ngục thừa sứ, Sở khổ sứ, Thuế sứ, Vụ sứ, Khuyến nông, Hà đê, Thừa dụ cục chính.

Các chức Tổng thái giám, Đô thái giám, Tham chương giám thuộc Nội giám thì được quan viên từ 4 người, quan viên tôn 2 người đã thực thụ thì chỉ được một suất nhiều nam. Các chức Thái giám, Tham tri Giám sự, Đồng tri Giám sự, được quan viên tử 3 người, quan viên tôn 2 người.

Các chức Thiếu giám, Tả Hữu giám thừa, Đề điểm, được quan viên tử 2 người, quan viên tôn 2 người. Các chức Ty chính, Ty phó, Phụng ngự, Chương bạ, Thừa phó, được quan viên tử 2 người [15; 636 – 637]. Về thể lệ nội dung chi tiết xin tham khảo thêm: [11; 342-343; 16; 22-23; 17; 18-19; 18; 64- 69].

Việc sửa đổi định lệ phong ẩm đã mang lại một số kết quả tích cực đó là đã hạn chế được việc ban ẩm khá nhiều trước đó. Bởi thông qua đề xuất trên, triều đình Lê - Trịnh đã xem xét lại việc phong ẩm cho con cháu các công thần và quyết định “cắt xén, giảm bớt” [17; 18]. Quyết định

này phù hợp với chính sách cắt giảm chế độ lộc điền đối với các công thần của triều đình khi đó: “Từ lúc Trung hưng trở về sau, những ân lộc ban cho bằng tiền hoặc bằng thóc đều lĩnh ở kho công, ít khi cấp bằng ruộng công. Các công thần khai quốc và các công thần Trung hưng nếu người nào trước kia đã cấp ruộng công cũng có khi bàn định rút bớt” [19; 171].

Ngoài ra, thời kì này còn có đối tượng được hưởng theo hình thức “tư âm” - chỉ những người có công lao cá nhân được phong ẩm để phân biệt với những công lao tập thể [17; 18]. Chính những nội dung trong tờ khai về sửa đổi định lệ phong ẩm do Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Mậu Tài đề ra nhằm điều chỉnh, giảm bớt đối tượng được ban ẩm, đã giúp cho “người ta bấy giờ mới biết được tư âm là đáng trọng” [18; 69]. Đây là những đề xuất mà các thời kì trước chưa đưa ra và thực hiện được.

Với đề xuất cải cách tiến bộ trên, Tham tụng Hồ Sĩ Dương đã để lại dấu ấn quan trọng trên chính trường Đại Việt thế kỉ XVII.

2.2.4. Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội

Trên lĩnh vực sử học, đầu đời Cảnh Trị, niên hiệu vua Lê Huyền Tông (1662 – 1671), Hồ Sĩ Dương được tham gia sửa và biên soạn *Đại Việt sử ký bản kỉ tục biên* do Phạm Công Trứ chủ biên. Phần sửa lại: Từ thời Hồng Bàng đến thời vua Lê Cung Hoàng (từ năm 2879 TCN đến năm 1532). Phần biên soạn: phần do nhóm Phạm Công Trứ, Hồ Sĩ Dương biên soạn từ đời vua Lê Trang Tông đến vua Lê Thần Tông (1533 – 1662). Nhóm biên soạn cho rằng tài năng và kiến thức còn hạn hẹp nhưng đã vâng mệnh lệnh thì không vì thế mà chối từ, cùng nhau tìm tòi, đôi khi thấy chỗ chép mất hay nhầm thì phải suy tìm ý nghĩa bổ sung để cho dễ hiểu. Sách được đặt tên là *Đại Việt sử ký bản kỉ tục biên*, sau đó được khắc in để ban hành.

Đến đời vua Lê Hy Tông (1676 – 1705), niên hiệu Vĩnh Trị năm thứ nhất (1676), Hồ Sĩ Dương được cử việc sửa Quốc sử, cho thấy sự tín nhiệm của vua Lê Hy Tông đối với Hồ Sĩ Dương. Bởi trong năm này (1676), Hồ Sĩ Dương được giao là người đứng đầu cùng với các quan đại thần gồm các Bồi tụng Đặng Công Chất, Đào Công Chính, Nguyễn Công Vọng... soạn bài tựa cho lần trùng tu *Lam Sơn thực lục*. Nhóm biên tập do Hồ Sĩ Dương đã thể hiện ý thức làm việc nghiêm cẩn: “Dè dàu do cuộc thế suy vi mà sách thực lục cơ hồ bị ngọn lửa tàn nhẫn thiêu cháy mất sau cơn tiếm thiết (...). Vua bèn sai chúng tôi tham khảo bản cũ cùng các sách gia đình để sửa lại, chỗ nào sai thì viết lại cho đúng, chỗ nào sót thì bổ sung vào, cốt tiện đọc và truyền bá rộng rãi. Chúng tôi vâng theo lời cao quý, đâu dám không sưu duyệt, bổ sung, góp lại thành sách *Trùng san Lam Sơn thực lục* (重刊藍山實錄). Sau đó cho khắc in để lưu truyền mãi mãi. Đóng góp của Hồ Sĩ Dương và các quan đại thần đã được sử gia Phan Huy Chú ghi lại: Lê Thái Tổ ngự chế, ghi chép việc khởi binh đến khi bình Ngô. Bản cũ sao chép nhiều chỗ nhầm lẫn, trong đời Vĩnh Trị, nhóm Hồ Sĩ Dương vâng mệnh sửa lại [20; 504]. Theo Giáo sư Trần Nghĩa: bản *Trùng san Lam Sơn thực lục* được in từ hơn 300 năm trước còn lưu lại, vẫn có cơ sở để tin cậy hơn các bản chép tay “tam sao thất bản” hiện có [21; 10].

Trong niên hiệu Vĩnh Trị, vua Lê Hy Tông tiếp tục sai Hồ Sĩ Dương chép đủ công việc về cuộc Trung hưng diệt nhà Mạc và công việc chúa Trịnh tôn phù nhà Lê. Hồ Sĩ Dương trong bài tựa sách cho biết: “Tại sao mà làm bản thực lục này? là để thuật việc ghi công, tỏ rõ chính thống và ghi chép đồng dôi hiền (của nhà Lê), bởi thế mà làm thực lục này.(...) Nghĩ đến đức thịnh nghiệp lớn của các đế vương (...), công lao của họ Trịnh, nếu không chép vào sách thì sao nêu được rõ ràng để tiện cho người sau xem đọc? bèn sai bọn thần (Hồ Sĩ Dương và một số quan đại thần) tìm trong bản chép cũ bằng quốc âm, tham khảo Quốc sử tục biên, soạn thành tập *Thực lục*” (*Đại Việt Lê triều đế vương trung hưng công nghiệp thực lục* bản PDF, tr.2-4, A.19), vấn đề này xin xem thêm [20; 512-514].

Nhóm biên soạn do Hồ Sĩ Dương đứng đầu với thái độ khiêm nhường, tinh thần làm việc hết mình và ý thức công việc nghiêm túc thể hiện trong bài tựa của ông: Bọn thần học thức kém, kiến văn hẹp, đâu dám đương việc ấy. Nhưng đã vâng mệnh trên, đâu dám không cố tra xét sách cũ,

biên chép thành tập. Mục đích biên soạn sử của ông cũng rất rõ ràng nhằm ghi lại sự thực những sự kiện lịch sử để lưu truyền cho muôn đời sau: Tập thực lục này vốn không phải là nói chuyện ước đạt và đặt lời văn hoa thêm bớt, mà chỉ căn cứ vào sự thực. Trải qua bao năm tháng, đã soạn thành sách rồi dâng lên bề trên và được đặt tên sách là *Trung hưng thực lục*. Sau đó được in, ban bố khắp thiên hạ với một thông điệp rất có ý nghĩa: Việc ghi chép trong cuốn sách để nêu công sức mà rõ danh phận, để ngăn tiếm nghịch mà giữ cương thường, tập thực lục này có quan hệ đến giáo hóa của đời và căn bản của nước.

Những cuốn sách như *Đại Việt sử ký bản kỉ tục biên*, *Trùng san Lam Sơn thực lục*, *Trung hưng thực lục* gắn liền với đóng góp của Hồ Sĩ Dương đối với nền sử học nước nhà. Cho đến hiện nay những tác phẩm này vẫn là nguồn tài liệu có giá trị đáng tin cậy không chỉ đối với những nhà nghiên cứu mà còn đối với những độc giả đam mê, quan tâm đến sử học.

Bên cạnh các tác phẩm sử học, Hồ Sĩ Dương còn *nhuận chính* và *soạn các văn bia*. Tháng 9, năm Quý Mão (1663), khi sửa điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao, chúa Trịnh Tạc sai Hồ Sĩ Dương nhuận chính văn bia khắc vào đá để ghi lại sự việc này. Sử cũ cho biết: “Trước đây, đàn Nam Giao đã có điện nhưng quy mô còn nhỏ hẹp. Đến đây Vương sai làm thêm, nhà chính điện thì cột vuông, lát nền bằng đá, trong sân, ngoài sân đều xây đá, cột, rường, hoành, rui đều sơn son thếp vàng, quy mô chế độ mới mẻ rực rỡ. Vương lại sai từ thần là Hồ Sĩ Dương làm văn khắc vào đá để ghi lại việc này” [12; 265; 11; 310]. Năm Giáp Thìn (1664) khi hoàn thành điện Chiêu sự thì văn bia cũng được Hồ Sĩ Dương và các triều thần soạn xong với nhan đề *Nam Giao điện bi kí* (được dựng vào năm Vĩnh Trị thứ 4 (1679). Hiện có bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu số 161 và đã được dịch trong *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, quyển II [22; 43 – 45].

Hiện nay tấm bia nằm trong quần thể hệ thống trung bày ngoài trời và không gian tưởng niệm tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. Tấm bia có số đăng ký: LSb.32852. Kích thước: cao 213cm, rộng 146cm, dày 34cm, chân đế 214cm x 156cm x 51cm. Bia hình chữ nhật, trán cong hình bán nguyệt, đặt trên bệ hình khối hộp chữ nhật ba cấp. Diềm trán bia chạm khắc đề tài lưỡng long châu nguyệt và mây. Diềm xung quanh bia chạm rồng, phượng, mây, hoa mẫu đơn, cúc, băng lá đề kép và vân mây hình khánh. Bệ chân đế bia chạm khắc nổi long mã và hoa lá. Mặt trước của bia khắc bài minh bằng chữ Hán, do Nguyễn Tiến Triều soạn thảo, Hồ Sĩ Dương nhuận chính.

Ngoài ra, Hồ Sĩ Dương còn soạn một số văn bia khác như: *Đại Thừa tướng sự nghiệp bi* đặt tại từ đường Phạm Công Trứ [2; 219 – 228]; *Trình tiết phụ tử muội bi ký* (bia ở Thạch Linh, thị xã Hà Tĩnh), *Khuông lộc hầu bi ký* (xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân), Tam tòa đại vương miếu bi ký (làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân) [23; 34].

Trong lĩnh vực văn học, Hồ Sĩ Dương có một số tác phẩm để lại những dấu ấn cho nền văn hóa, văn học trung đại Việt Nam. Tác giả Trần Bá Chí trong bài viết “Nguồn gốc Hồ Quý Ly và dòng họ Hồ” cho biết: “Ngoài việc giúp nước về mặt chính trị, Hồ Sĩ Dương còn quan tâm đến thuần phong mỹ tục của xã hội Đại Việt. Ông bước đầu soạn thảo sách “*Hồ Thượng thư gia lễ*” cho sát với tình hình kinh tế và tập tục Việt Nam, cải cách những sự mô phỏng Tàu quá nhiều, đề cao đạo hiếu, lấy đạo hiếu và gia đình làm gốc cho xã hội. Đến đời cháu ông là Hồ Sĩ Tân thì cuốn sách đó thực sự hoàn chỉnh và được phổ biến khắp trong nước ta” [24; 17]. Đây được coi là tác phẩm tiêu biểu gắn liền với tên tuổi của Hồ Sĩ Dương.

Với tài năng trên nhiều phương diện, nên không chỉ về văn học mà ông còn sáng tác một số bài thơ: (1) Tiễn Đại Thanh sách sứ Trình Phương Triều (餞大清冊使程芳朝); (2) Tiễn Sách phong Phó sứ Trương Dịch Bí (餞冊封副使張易賁). Các bài thơ này được Hồ Sĩ Dương sáng tác vào năm Đinh Mùi (1667) để tiễn Chánh sứ, Bàng nhân Trình Phương Triều và Phó sứ, Hoàng giáp Trương Dịch Bí nhà Thanh về nước; (3) Hạ quốc lão Yên Quận Công Phạm Công Trứ trí sĩ (賀國老燕郡公范公著致仕), sáng tác năm Mậu Thân (1668) khi Phạm Công

Trứ về trí sĩ; Thứ vận hạ quốc lão Phương Quận Công Vũ Duy Chí trí sĩ (次韻賀國老方郡公武惟志致仕), sáng tác năm Bính Thìn (1676) khi Vũ Duy Chí về trí sĩ [25; 142 – 147].

Như vậy, với những dấu ấn trên phương diện văn hóa xã hội, thể hiện ở các lĩnh vực sử học, văn học và sáng tác thơ, Hồ Sĩ Dương đã có nhiều tác phẩm với nội dung và thể loại đa dạng có giá trị cho đến hiện nay.

Năm Tân Dậu (1681), Hồ Sĩ Dương về trí sĩ ở quê hương, ông đặc biệt quan tâm đến việc học tập của con cháu. Để khuyến khích con cháu học tập, ông đã “đặt ruộng học điền”, sách Quỳnh Đồi cổ kim sự tích hương biên, có trích từ tấm bia đặt tại từ đường thờ Hồ Sĩ Dương do Tiến sĩ Văn Đức Giai soạn năm Tự Đức thứ 7 (1854), cho biết: ông đặt ruộng học điền tại các địa phận Bà Re, Cửa Chợ, Đập Bút khoảng 10 mẫu để khuyến con cháu đời đời đi học theo sự nghiệp khoa cử [26; 171-172]. Không chỉ Hồ Sĩ Dương mà cả vợ của ông đều chăm lo việc phúc đức, làm nhiều điều thiện. Vợ chồng Hồ Sĩ Dương rất quan tâm đến những người phải đi lính bằng việc ông bà đã cúng cho làng 22 mẫu ruộng ở xứ Đập Gãy để cấp cho người đi lính, nên được mọi người kính trọng và yêu mến [26; 348]. Bên cạnh đó, Hồ Sĩ Dương còn tiếp tục đóng góp sức mình vào công việc của quê hương như việc ông đem của cải và ruộng đất được triều đình ban tặng để chiêu tập dân lưu tán tập hợp thành 5 thôn đó là Như Bá (nay là xã Quỳnh Bá), Tiên Đồi (nay thuộc xã Quỳnh Hoa), Mỹ Hòa (nay thuộc xã Quỳnh Mỹ), Thọ Vực (nay thuộc xã Quỳnh Thọ), Bảo Yên (nay thuộc Hoàng Mai). Các thôn đều lập miếu thờ tôn ông là Thành hoàng.

Năm Nhâm Tuất (1682), tức là một năm sau khi nghỉ hưu, Hồ Sĩ Dương qua đời, ông được vua Lê truy tặng chức Thiếu bảo, Thượng thư bộ Hộ, tặng tên thụy là Dĩnh Đạt (穎達). Ở đền thờ ông còn lưu giữ nhiều câu đối, tiêu biểu như:

Bát trụ kinh thiên Đường bộc xạ (八柱擎天唐僕射)

Vạn gia tác phật Tống bình chương (萬家作佛宋平章) [2; 37; 25; 90; 26; 167].

Tạm dịch: Tám cột chống trời, tài giỏi như quan “Bộc xạ” thời Đường/ Làm phật muôn nhà, công bằng như quan “Bình chương” đời Tống. Câu đối đó đã thể hiện sự “xem trọng” của vua Lê dành cho Hồ Sĩ Dương, ví ông như quan Bộc xạ đời Đường và quan Bình chương đời Tống của Trung Quốc.

Với những dấu ấn nổi bật, tên tuổi của Hồ Sĩ Dương vượt ra ngoài biên giới quốc gia, được sử thần nhà Thanh ca ngợi. Hai năm sau khi Hồ Sĩ Dương mất, sử thần nhà Thanh là Chu Xán sang Đại Việt ban sắc phong, đã sáng tác tập thơ *Sứ Giao ngâm* (tập thơ gồm 48 bài thơ vịnh núi sông và bè bạn tặng đáp, theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt). Khi về nước, Chu Xán dâng lên vua nhà Thanh tập thơ, trong đó có câu khen ngợi tài năng của Hồ Sĩ Dương như sau: “Y quan văn vật trọng Nam cương” (câu khen ngợi này có ý rằng nước Nam có nền văn hiến áo mũ đúng lễ nghi - TG) và bình luận rằng: “Nhân vật nước này, về phần lí học có Trình Huyên, Vũ Cảo, Nguyễn Đăng Cảo và Hồ Sĩ Dương” [19; 330].

3. Kết luận

Suốt cuộc đời làm quan và cống hiến không ngừng nghỉ, trải năm triều vua, Hồ Sĩ Dương đã để lại những dấu ấn quan trọng trong lịch sử Đại Việt thế kỉ XVII, thể hiện trên cả hai bình diện sau:

Thứ nhất, đối với quốc gia: Những dấu ấn trên các lĩnh vực: quân sự, chính trị ngoại giao, cải cách quan chế và văn hóa xã hội (sử học, văn học, sáng tác thơ). Về *quân sự*, Hồ Sĩ Dương với chức Đốc thị đã 2 lần Nam chinh (năm 1660, 1661) đánh quân chúa Nguyễn; 2 lần Bắc chiến (năm 1667, 1670) đánh quân nhà Mạc. Qua đó cho thấy, Hồ Sĩ Dương là con người đầy nhiệt huyết, không quản khó khăn, dù Nam chinh hay Bắc chiến, ông đều hăng hái tham gia, có công đối với công cuộc yên Bắc dẹp Nam. Thành quả bước đầu đó, tạo động lực quan trọng giúp ông tiếp bước đạt được những dấu ấn “nổi bật” trên lĩnh vực chính trị - bang giao: từ Đô cấp sự trung

đến Tham tụng, kinh qua các chức Bồi tụng, Hữu Thị lang bộ Binh, Hữu Thị lang bộ Lại, Thượng thư bộ Công; năm lần cùng các quan đại thần lên cửa quan đại mệnh và một lần làm Chánh sứ dẫn đoàn sứ thần sang nhà Thanh thực hiện nhiệm vụ ngoại giao). Đặc biệt, với những dấu ấn nổi bật trên phương diện “cải cách quan chế”. Những nội dung xin điều chỉnh, giảm bớt đối tượng “phong âm” được đề cập tương đối đầy đủ và toàn diện, bao quát mọi đối tượng được hưởng, từ công thần khai quốc, công thần trung hưng, bách quan văn võ...những điều mà các triều đại trước chưa đặt ra được những quy định cụ thể, chi tiết đến như thế.

Dấu ấn quan trọng đó, đã mang lại kết quả tích cực, góp phần làm cho triều đại vua Lê Hy Tông kỉ cương được chấn hưng, thưởng phạt nghiêm minh, các công khanh phần nhiều xứng chức, các quan lại tuân thủ pháp luật, dân chúng yên ổn làm ăn, xứng đáng là triều đại đứng đầu thời Lê Trung hưng. Không chỉ trên các lĩnh vực quân sự, chính trị ngoại giao, Hồ Sĩ Dương còn để lại những dấu ấn có giá trị đến hiện nay trên lĩnh vực *văn hóa xã hội* với những tác phẩm sử học, văn học và sáng tác thơ, xứng đáng là bậc trí thức tài cao, đức cả.

Thứ hai, đối với quê hương: Khi về trí sĩ, ông tiếp tục dành tâm huyết của mình vào công việc học hành của con cháu và làm nhiều việc thiện giúp đỡ cho quê hương.

Như vậy, với chức trách của một vị quan, Hồ Sĩ Dương đã thực hiện trách nhiệm của mình với nước với dân, dành cả cuộc đời cống hiến tài năng và tâm huyết cho quê hương, đất nước. Đối với đất nước ông xứng đáng là bậc trung thần, đối với quê hương ông xứng đáng vinh danh là đại diện tiêu biểu cho dòng họ Hồ ở Nghệ An – vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi mà nhân dân Nghệ Tĩnh từ xưa có câu: “Hà Tĩnh họ Phan, Nghệ An họ Hồ”. Có thể dùng bốn chữ “Thái sơn Bắc đẩu” để ca ngợi tài năng, đức độ và tấm lòng đối với nước với dân, với quê hương của ông. Với những dấu ấn nổi bật, tạo nên những giá trị thiết thực và ý nghĩa lớn lao đó, Hồ Sĩ Dương đã thể hiện là một con người với đầy đủ phẩm chất cao quý của một nhân cách lớn, xứng đáng là bậc danh nhân chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa lớn trong lịch sử Đại Việt thế kỉ XVII.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Văn Minh, 1997. “Tư liệu Hán Nôm tại nhà thờ Phạm Công Trứ ở Liêu Xuyên” in trong *Thông báo Hán Nôm* năm 1996, tr. 219-228). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Phan Hữu Thịnh (khảo cứu), 2011. *Bảng nhãn, tham tụng Duệ quận công Hồ Sĩ Dương*. Nxb Nghệ An.
- [3] Vũ Việt Bằng, 2015. “Nghiên cứu thân thế, sự nghiệp của Hồ Sĩ Dương qua tư liệu Hán Nôm”, in trong *Thông báo Hán Nôm học*, tr.66-71.
- [4] Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên), 2018. *Hồ Thượng thư gia lễ*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Cao Xuân Dục, 2003. *Đại Nam dư địa chí ước biên*, tập 4. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [6] Bùi Dương Lịch, 2018. *Nghệ An ký*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Ngọc Nhuận (chủ biên), 2006. *Một số điển chế và pháp luật Việt Nam, tập 1 (Từ thế kỉ XV đến XVIII)*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Đỗ Văn Ninh, 2005. *Từ điển chức quan Việt Nam*. Nxb Thanh niên, Hà Nội.
- [9] Phan Huy Chú, 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Đặng Xuân Bảng, 2000. *Việt sử cương mục tiết yếu*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê, 1993. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 3. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- [13] Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, 1997. *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam* (trích trong tác phẩm Công dư tiệp ký, phần nhân vật Dương Tồn), tập 1. Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [14] Trịnh Khắc Mạnh (chủ biên), 2018. *Hồ Thượng thư gia lễ*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [15] Phan Huy Chú, 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [16] Đại Việt sử ký toàn thư (phần tiếp - ba tập), 1982. *Bản kỉ tục biên (1676 – 1740)*, tập 1. Nguyễn Kim Hung và Ngô Thế Long (dịch, chú thích, khảo chứng), Nguyễn Đồng Chi (duyet và hiệu đính). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789), 1991. *Ngô Thế Long - Nguyễn Kim Hung* (dịch và khảo chứng), Nguyễn Đồng Chi (hiệu đính). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [18] Ngô Cao Lãng, 1995. *Lịch triều tạp kí*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [19] Lê Quý Đôn, 2007. *Kiến văn tiểu lục*. Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [20] Phan Huy Chú, 2008. *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [21] Lê Lợi kể - Nguyễn Trãi ghi – Hồ Sĩ Dương san định, 1992. *Trùng san Lam Sơn thực lục* (GS. Trần Nghĩa dịch, chú thích và giới thiệu). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [22] Ban Hán nôm (sưu tầm dịch và giới thiệu), 1978. *Tuyển tập văn bia Hà Nội*, Quyển II. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [23] Trần Bá Chí, 1992. “Nguồn gốc Hồ Quý Ly và dòng họ Hồ”. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 5 (264), tr.13-18, tháng 9 – 10.
- [24] Nguyễn Thanh Tùng (chủ biên), 2013. *Nghệ An toàn chí*, tập XVII (Văn thơ xứ Nghệ thời trung đại). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [25] Hồ Phi Hội (khởi biên), Hồ Trọng Chuyên (tục biên), Hồ Đức Lĩnh (dịch, biên khảo, bổ sung và tục biên), 2005. *Quỳnh Đôi cổ kim sự tích hương biên*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [26] Lý Minh Tuấn (dịch và bình giải), Nguyễn Minh Tiến (hiệu đính và giới thiệu), 2010. *Tứ thư bình giải*, Đại học - Chương V (Cách vật trí tri). Nxb Tôn giáo, Hà Nội.

ABSTRACT

Ho Si Duong – Lord’s grand counsellor – and prominent merits to Dai Viet in 17th century

Nguyen Thi Thu Huong,

Institute of History, Vietnam Academy of Social Sciences

In the Le - Trinh period, particularly under the reign of Emperor Le Hy Tong and Lord Trinh Tac, Ho Si Duong was a well-known historical figure. Assuming the position of Tham tụng (參從), which had equal power to a prime minister (宰相), Ho Si Duong has left eminent marks in a range of fields, comprising military, politics, diplomacy, social-culture, especially in the aspect of “institutional reform”. He is considered a talented mandarin in the political history of Dai Viet (大越) in the seventeenth century. Based on diverse sources, including history written by the imperial court, official regulations, the information inscribed on the stela (translated version), folk material, the article will shed light on Ho Si Duong’s critical marks and influential contributions to his homeland – Nghe An province in particular as well as to the Dai Viet’s history in general.

Keywords: Ho Si Duong, Dai Viet (大越), the seventeenth century, grand counsellor, institutional.